

Số: 136/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Tân, ngày 31 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Bùi Văn A, sinh năm: 1960; Thường trú: 59 N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 109 Đường I, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm: 1958; Thường trú: 59 N, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 109 Đường I, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Thu B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13/KH, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Thu B cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Thu B cùng chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ông A và bà B đã nộp theo biên lai số 0064691 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Ông A và bà B đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hạnh